

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-ST

Ngày: 02-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Mậu Thế

- Bà Đặng Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Phước T, sinh năm 1995; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: Thôn Ngh L, thị trấn Th M, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Cha: Nguyễn Văn Thông, sinh năm: 1955; Mẹ: Lê Thị Nữ, sinh năm: 1955; Anh: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2086, bị cáo là con út trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

- Bản án số 09/2015/HSST ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Đến ngày 29/01/2016 bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 18/9/2021, bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 05 năm tù, thời hạn tù Th từ ngày 18/9/2021, về tội Cướp giật tài sản, bị cáo đang chấp hành bản án.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Sông Cái đóng tại Phước Tân, Bác Ái, Ninh Thuận. Có mặt

* *Bị hại:* Ông Kon Sơ H D, sinh năm 1998

Trú tại: Khu 1, thôn R, xã Ph H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

* *Người làm chứng:* Ông Hà Phước L, sinh năm 1993

Trú tại: 1/17 thôn Ph Th, xã H Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 15/11/2020, Kon Sơ H D đến nhà Hà Phước L chơi thì gặp Nguyễn Phước T. Sau đó, T hỏi mượn xe Dung để đi công việc và được Dung đồng ý. Dung chở T đến đường Lý Nam Đế, thị trấn L N, huyện Đ thì giao xe mô tô biển số 49F1-259.51 cho T rồi đi vào nhà bạn chơi. Đến khoảng 23 giờ, D nghe L nói là đi đến Trường dân tộc nội trú để T trả xe thì đi ra chỗ hẹn nhưng không gặp T mà nhặt được biển số xe 49F1-259.51. Còn T sau khi mượn xe mô tô thì điều khiển xe về thăm con tại Thành phố Bảo Lộc. Đến ngày 16/11/2020, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định cầm cố xe. Thực hiện ý định đó, T cầm cố xe mô tô trên cho một người tên “Thắng Già” (Không rõ nhân thân, lai lịch) được 2.000.000đ. Số tiền cầm cố được T tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt liên lạc với Dung. Sau nhiều lần yêu cầu T trả xe nhưng không được, Dung gửi đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Đ xác định: xe mô tô biển số 49F1-259.51, trị giá 22.750.000 đồng.

Tang vật của vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra CA huyện Đ tạm giữ và trả lại biển số xe 49F1-259.51 cho Kon Sơ H D. Đối với xe mô tô không thu giữ được nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Kon Sơ H D yêu cầu Nguyễn Phước T bồi thường 20.000.000 đồng. Đến nay T chưa bồi thường.

Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước T về tội “*Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Kon Sơ H D số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phước T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau: Vào ngày 15 tháng 11 năm 2020, tại đường Lý Nam Đế, thị trấn L N, huyện Đ, bị cáo Nguyễn Phước T đã mượn xe mô tô biển số 49F1-259.51 của Kon Sơ H D để đi công việc. Lợi dụng sự T nhiệm của Dung, T đã cầm cố xe mô tô biển số 49F1-259.51 cho người khác lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Đ xác định giá trị chiếc xe mô tô biển số 49F1-259.51 tại thời điểm chiếm đoạt trị giá 22.750.000 đồng.

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng vụ án, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phước T đã phạm vào tội “Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, chứng tỏ bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, ổn định tại địa phương mà còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy.

[4] Xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải bị xử lý nghiêm.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại (số tiền 4.000.000đ), do số tiền khắc phục chưa quá $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt

nên không đủ cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ mà chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nhận định trên, căn cứ vào Th chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang Th răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về tang vật của vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra CA huyện Đ tạm giữ và trả lại biển số xe 49F1-259.51 cho Kon Sơ H D. Đối với xe mô tô không thu giữ được nên không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại ông Kon Sơ H D yêu cầu Nguyễn Phước T bồi thường 20.000.000 đồng. Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường được cho bị hại ông Kon Sơ H D số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho ông Kon Sơ H D số tiền còn thiếu là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) nên Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện này của của bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông tên “Thắng Già” là người cầm cố xe mô tô của Nguyễn Phước T, do thông tin không đầy đủ nên Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “*Lạm dụng T nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 05 năm tù, thời hạn tù Th từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/9/2021, về tội “*Cướp giật tài sản*”. Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù Th từ ngày 18/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Kon Sơ H D số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2012, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long